

Số: /BC - UBND

Quảng Thạch, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2024

Thực hiện Công văn số 4275/UBND - NV ngày 04/11/2024 của phòng nội vụ huyện Quảng Xương về việc báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2024; UBND xã Quảng Thạch báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2024 cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

1.1. Về ban hành các văn bản chỉ đạo, kế hoạch CCHC năm 2024

- Ban hành Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 03/01/2024 về tiếp công dân giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo năm 2024.
- Ban hành Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 05/01/2024 về cải cách hành chính năm 2024.
- Ban hành Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 10/01/2024 về việc thực hiện công tác kiểm soát TTHC chính năm 2024.
- Ban hành Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 15/01/2024 về việc tuyên truyền nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2024.
- Ban hành Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 15/01/2024 về việc tăng cường kỷ luật kỷ cương hành chính năm 2024.
- Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 16/01/2024 về tự kiểm tra rà soát VBQPPL năm 2024.

- Ban hành Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 16/01/2024 về việc triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ một phần và toàn trình tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả.

Ban hành kế hoạch số: 24/KH-UBND ngày 18/01/2024 Kế hoạch tự kiểm tra đánh giá nội bộ hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN I SO 9001: 2015 năm 2024 trên địa bàn UBND xã Quảng Thạch.

- Tiếp tục thực hiện quy chế hoạt động của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa và một cửa liên thông thuộc UBND xã Quảng Thạch.

1.2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ CCHC của UBND xã

UBND xã phân công Công chức chuyên môn thường xuyên rà soát các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND; kịp thời niêm yết bổ sung những thủ tục hành chính mới, gỡ bỏ những thủ tục hành chính không còn hiệu lực. Thực hiện tốt công tác Tiếp nhận và trả kết tại Bộ phận một cửa.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2024.

1. Cải cách thể chế

- Việc rà soát văn bản quy phạm pháp luật và văn bản áp dụng quy phạm pháp luật được giao cho công chức Văn phòng - thống kê phối hợp với công chức Tư pháp - hộ tịch thực hiện; đảm bảo các văn bản quy phạm pháp luật và áp dụng pháp luật có liên quan đến địa phương đều được đưa vào thực hiện; Các văn bản quy phạm pháp luật và áp dụng pháp luật của UBND xã trước khi ban hành đều được rà soát; đảm bảo đúng thể thức và nội dung.

- Việc tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản áp dụng pháp luật tại đơn vị được thực hiện nghiêm túc, đúng thời gian quy định.

- Triển khai các văn bản trên hệ thống quản lý văn bản trên môi trường điện tử phần đầu đạt 100% chỉ tiêu đã đề ra.

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Kết quả thực hiện kiểm soát, rà soát đơn giản hoá TTHC

- Chỉ đạo cho cán bộ công chức rà soát bộ thủ tục hành chính áp dụng cho cấp xã; bổ sung kịp thời những thủ tục mới phát sinh và bãi bỏ những thủ tục không còn hiệu lực.

- Thực hiện công khai kết quả giải quyết TTHC: UBND xã đã tiến hành niêm yết công khai 201/231 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã.

- Hình thức công khai: Tại bảng treo tường gắn tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; hệ thống đài truyền thanh của xã.

2.2. Kết quả thực hiện cơ chế một cửa

Công chức làm việc tại Bộ phận một cửa hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, có trình độ chuyên môn Đại học, đáp ứng yêu cầu công việc.

- Về công khai danh mục thủ tục hành chính, các loại lệ phí:

+ Về công khai danh mục các thủ tục hành chính: Đã thực hiện niêm yết công khai tại trụ sở UBND thông qua hình thức bảng gắn trên tường.

+ Về công khai các loại phí, lệ phí: Được niêm yết công khai đầy đủ tại bộ phận một cửa.

2.3. Về thực hiện: "4 tăng", "2 giảm", "3 không" trong giải quyết thủ tục hành chính: Đã được công khai và áp dụng tại UBND xã.

2.4. Các lĩnh vực, loại công việc đang được áp dụng giải quyết qua cơ chế một cửa.

ST T	Tên lĩnh vực	Số hồ sơ (TTHC đã tiếp nhận	Số đã giải quyết		Số chưa giải quyết		
			Đúng hạn	Quá hạn	Quá hạn	Chưa đến hạn	Lý do
	Tổng số	5.673	5.673	0	0	0	
I.	Người có công	19	19	0	0	0	
1.1	Xác nhận bản khai cấp thẻ BHYT	10	10	0	0	0	
1.2.	Thủ tục hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần	09	09	0	0	0	
1.3	Thủ tục thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ.	0	0	0	0	0	
II.	Bảo trợ xã hội	883	883	0	0	0	
2.1	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật, người khuyết tật mang thai, nuôi con dưới 36 tháng tuổi)	113	113	0	0	0	
2.2	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	0	0	0	0	0	
2.3	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật đặc biệt nặng)	13	13	0	0	0	
2.4	Thực hiện hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với hộ gia đình có người khuyết tật đặc biệt nặng	0	0	0	0	0	
2.5	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật	39	39	0	0	0	
2.6	Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2021-2025 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà	718	718	0	0	0	

	nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế						
III.	Lĩnh vực đất đai	08	08	0	0	0	
3.1	Thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai	08	08	0	0	0	
IV	Hộ tịch	731	731	0	0	0	
4.1.	Đăng ký khai sinh	196	196	0	0	0	
4.2.	Đăng ký khai tử	41	41	0	0	0	
4.3.	Đăng ký kết hôn	77	77	0	0	0	
4.4.	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	03	03	0	0	0	
4.5.	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	113	113	0	0	0	
4.6.	Đăng ký lại việc sinh	02	02	0	0	0	
4.7.	Đăng ký lại việc kết hôn	02	02	0	0	0	
4.8.	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	297	297	0	0	0	
4.9	Nhận cha, mẹ, con	0	0	0	0	0	
V	Chứng thực	3.911	3.911	0	0	0	
5.1.	Chứng thực bản sao từ bản chính	3.911	3.911	0	0	0	
5.2.	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất ở, nhà ở	102	102	0	0	0	
5.3	Chứng thực hợp đồng, giao dịch khác	89	89	0	0	0	
5.4.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản	218	218	0	0	0	
VI	Hoạt động tín dụng	121	121	0	0	0	
6.1.	Phê duyệt biên bản họp tổ tiết kiệm và vay vốn	98	98	0	0	0	
6.2.	Xác nhận danh sách hộ gia đình nghèo đề nghị vay vốn ngân hàng chính sách	23	23	0	0	0	

- Các thủ tục hành chính đã giải quyết giảm tối thiểu 30% thời gian so với quy định trong giải quyết thủ tục hành chính:

TT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết thực tế	Thời gian cắt giảm	Ghi chú
1	Đăng ký lại việc sinh	5	3	2	
2	Đăng ký lại việc tử	5	3	2	
3	Đăng ký lại kết hôn	5	3	2	
4	Đăng ký khai sinh cho người có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	5	3	2	

5	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	3	2	1	
6	Xác nhận tình trạng hôn nhân	3	2	1	

2.4. Cơ sở vật chất, trang thiết bị cho công tác một cửa.

Phòng làm việc cho Bộ phận một cửa đã được UBND xã bố trí, đầu tư trang thiết bị đầy đủ phục vụ cho công tác làm việc.

- Về trang thiết bị phục vụ cho công tác một cửa: thiết bị (bàn làm việc, máy tính, máy in, tủ đựng tài liệu...) cho Bộ phận một cửa: Đáp ứng yêu cầu công việc.

3. Về thực hiện cải cách tổ chức bộ máy hành chính

3.1. Công tác sắp xếp bộ máy, phân công nhiệm vụ cho cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách; công tác phối hợp với các tổ chức Đoàn thể.

- Hiện nay, UBND xã Quảng Thạch có 10 cán bộ, 09 công chức và 02 cán bộ không chuyên trách kiêm nhiệm Chủ tịch các hội đặc thù và 04 cán bộ công chức kiêm nhiệm.

- Về công tác sắp xếp bộ máy cán bộ thuộc UBND xã được thực hiện đúng quy trình, quy định của pháp luật và theo Nghị quyết 232/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Công tác phối hợp với các tổ chức Đoàn thể trong quý vẫn được duy trì thường xuyên, làm cơ sở pháp lý để thực hiện nhiệm vụ.

3.2. Lễ lối, tác phong làm việc; công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCC xã:

Cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách làm việc tại UBND xã luôn nghiêm chỉnh chấp hành đúng quy chế làm việc tại cơ quan; đi làm đầy đủ, đúng thời gian quy định; tác phong làm việc nghiêm túc, chủ động trong công việc.

3.3. Công tác quản lý hồ sơ đội ngũ cán bộ công chức, người hoạt động không chuyên trách tại UBND xã

Hồ sơ của đội ngũ cán bộ tại UBND xã được quản lý đầy đủ.

4. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức

4.1. Xác định cơ cấu công chức theo vị trí việc làm

Đảng ủy, UBND xã đã căn cứ vào quy định về chức danh, số lượng cán bộ công chức, cán bộ bán chuyên trách cấp xã để phân công, sắp xếp đội ngũ cán bộ công chức, cán bộ bán chuyên trách phù hợp với từng chức danh, vị trí việc làm.

4.2. Thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức:

Công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCC xã được Đảng ủy, UBND chú trọng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ, công chức để thực thi công vụ.

5. Cải cách tài chính công

- Ngay từ đầu năm, UBND xã đã trình HĐND xã ban hành nghị quyết phê duyệt các chương trình đầu tư công làm cơ sở để UBND xã thực hiện nhiệm vụ.

- UBND xã công khai các dự toán, quyết toán các khoản thu, chi của UBND xã tại kỳ họp HĐND đầu năm để cử tri và đại biểu HĐND được biết và thực hiện quyền giám sát.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử

- Việc ứng dụng CNTT trong quản lý hồ sơ CBCC, quản lý hồ sơ công việc, giải quyết công việc hành chính: Đang áp dụng CNTT vào thực hiện văn thư lưu trữ tại UBND xã.

- Về thực hiện xử lý văn bản hiện nay được thực hiện trên phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc

- Việc trang bị cơ sở vật chất (máy vi tính, máy in, máy scan, kết nối internet) và các phần mềm chuyên ngành để phục vụ công việc qua môi trường điện tử được bố trí đầy đủ.

7. Đánh giá chung

a) Ưu điểm:

Việc thực hiện công tác cải cách hành chính đã tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức và công dân đến liên hệ công việc.

b) Tồn tại, hạn chế

- Về công tác bố trí, sắp xếp cán bộ: Hiện nay, công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thực hiện theo chế độ kiêm nhiệm, vì vậy ảnh hưởng rất lớn đến công việc chuyên môn được giao.

c) Nguyên nhân

- Do sự luân chuyển cán bộ nên làm xáo trộn đội ngũ cán bộ công chức xã nên việc bố trí sắp xếp cán bộ tại bộ phận một cửa còn bất cập.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC TRỌNG TÂM NĂM 2025

- Tiếp tục tăng cường chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính một cách đồng bộ, thống nhất.

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC tăng cường sự tham gia của người dân để góp phần cùng với chính quyền thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ về CCHC.

- Tập trung chỉ đạo thực hiện cải cách TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC cho người dân, xem đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, liên tục.

Thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra và nâng cao chất lượng hoạt động của bộ phận Một cửa; gắn với thường xuyên kiểm tra, chấn chỉnh công tác kiểm soát TTHC và nâng cao chất lượng giải quyết TTHC; thực hiện công khai, minh bạch tất cả các TTHC trên trang Thông tin điện tử của xã và niêm yết đầy đủ tại bộ phận một cửa, nơi trực tiếp giải quyết TTHC để người dân, doanh nghiệp biết, giám sát, thực hiện.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác cán bộ, công chức; chọn cử cán bộ, công chức đi đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ đối với các công chức thực hiện nhiệm vụ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC, cũng như cán bộ phụ trách công tác CCHC.
- Bố trí kinh phí để đầu tư trang thiết bị phòng làm việc một cửa, để đảm bảo đáp ứng được nhu cầu của công tác tiếp nhận và trả kết quả theo đúng quy định.
- Tăng cường công tác rà soát, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật; kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác CCHC, trong đó trọng tâm là kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong tiếp nhận, tham mưu và giải quyết hồ sơ hành chính của tổ chức, công dân tại các ban, ngành chuyên môn;
- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin, phối hợp với Bưu điện trong thực hiện có hiệu quả việc tiếp nhận và trả hồ sơ giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích;

Trên đây là kết quả việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2024; UBND xã Quảng Thạch báo cáo trước UBND huyện Quảng Xương theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND huyện (Phòng NV) (b/c);
- UBND xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Tại

Phụ lục 2

THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA UBND XÃ QUẢNG THẠCH NĂM 2024

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1.	Kế hoạch CCHC		9	
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	15	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	15	
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	5	
1.2.	Kiểm tra CCHC		0	
1.1.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
1.1.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ UBND huyện, Chủ tịch UBND			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	huyện giao			
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	188	
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0. Phát phiếu = 1. Kết hợp = 2	1	
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn	Không = 0 Có = 1	0	
2.	Cải cách thể chế			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành tại cấp xã	Văn bản	0	
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	0	
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	0	
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1.	Thống kê TTHC			
3.1.1.	Số TTHC/ danh mục TTHC thuộc thẩm quyền quản lý	Thủ tục	0	
3.1.2.	Số TTHC thuộc thẩm quyền bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
3.1.3.	Tổng số TTHC đang áp dụng tại cấp xã	Thủ tục	201	
3.2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.2.1.	Số TTHC đưa vào thực hiện theo cơ chế một cửa tại cấp huyện	Thủ tục		
3.2.2.	Số TTHC đưa vào thực hiện theo cơ chế một cửa tại cấp xã		231	
3.2.3.	Số TTHC liên thông cùng cấp tại cấp xã		0	
3.2.4.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền tại cấp xã	Thủ tục	47	
3.2.5.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ tại cấp xã	%		
3.2.6.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%		
3.3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.3.1	Số lượng hồ sơ đã tiếp nhận	Số lượng hồ	5.673	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
		Sơ		
Tron g đó	Tiếp nhận trực tiếp	Số lượng hồ sơ	5.673	
	Tiếp nhận qua BCCI	Số lượng hồ sơ	0	
	Tiếp nhận trực tuyến mức độ 3	Số lượng hồ sơ	314	
	Tiếp nhận trực tuyến mức độ 4	Số lượng hồ sơ		
3.3.1.	Số lượng hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	Số lượng hồ sơ	5.673	
Tron g đó	Trả trực tiếp		5.673	
	Trả qua BCCI		0	
	Giải quyết trực tuyến mức độ 3		314	
	Giải quyết trực tuyến mức độ 4			
3.3.2.	Số lượng hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn	Số lượng hồ sơ	0	
3.3.3.	Số lượng hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn	Số lượng hồ sơ	0	
3.4.	Công khai kết quả giải quyết			
3.4.1.	Công khai kết quả giải quyết trên Cổng dịch vụ công của tỉnh	Số hồ sơ đã giải quyết	0	
3.4.2.	Công khai kết quả giải quyết trên trang TTĐT của đơn vị	Số hồ sơ đã giải quyết	0	
3.4.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.	Thủ tục	0	
3.5	Số thư/ trường hợp đã công khai xin lỗi		0	
4.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Số cán bộ thực hiện kiêm nhiệm	Người	2	
4.1.2.	Số công chức thực hiện kiêm nhiệm	Người	4	
4.1.3.	Số không chuyên trách thực hiện kiêm nhiệm	Người	4	
4.2.	Số liệu về biên chế			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao	Người	22	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	19	
4.2.3.	Số không chuyên trách được giao	Người	10	
4.2.4.	Số không chuyên trách có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	7	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.2.5.	Số người thực hiện tinh giản biên chế, về hưu trước tuổi	Người	0	
5.	Cải cách chế độ công vụ			
5.1.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.1.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
5.1.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.1.3.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0	0	
5.1.4.	Số lãnh đạo UBND được bầu/bổ nhiệm mới	Người	0	
5.2.	Thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính; Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).			
5.2.1.	Số cán bộ cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
5.2.2.	Số lượng công chức bị kỷ luật	Người	0	
6.	Cải cách tài chính công			
6.1.	Công khai và minh bạch trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công theo quy định			
7.	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử			
7.1.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến Từ UBND huyện đến 100% UBND cấp xã.	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	0	
7.2.	UBND cấp xã được cấp chứng thư số.	Đơn vị	20	
7.3.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử	Văn bản		
7.3.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ đến cấp xã	Đã kết nối = 1 Chưa kết nối = 0	1	
7.3.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%		
7.3.3.	Tổng số VĂN BẢN ĐI	Văn bản	779	
Tron g đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	95	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	05	
7.4.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.4.1.	Kết nối liên thông với Hệ thống một cửa điện tử cấp tỉnh	Đã kết nối = 1 Chưa kết nối = 0	0	
7.4.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống một cửa điện tử cấp tỉnh	%		
7.5.	Dịch vụ công trực tuyến			
7.5.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến một phần	TTHC	201	
7.5.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến Toàn trình	TTHC		
7.6.				
7.6.	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO			
7.6.1	Số lượng đơn vị cấp xã đã áp dụng	Đơn vị		
7.6.2	Thực hiện duy trì, áp dụng hệ thống tại UBND cấp xã	Có thực hiện = 1 Không thực hiện = 0	1	